

Số: 145 /QĐ-TGPL

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chí xét duyệt hồ sơ
lựa chọn luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; Thông tư 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

Xét đề nghị của Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 2,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, tiêu chí xét duyệt hồ sơ lựa chọn luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn luật sư; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục TGPL; | (Báo cáo)
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn luật sư;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp; (Đăng tải)
- Lưu: VT, NV2 (Huế).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Thanh Thủy

QUY ĐỊNH

**Điều kiện, tiêu chí xét duyệt hồ sơ lựa chọn luật sư
ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-TGPL ngày 05/10/2018
của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về nguyên tắc, điều kiện, tiêu chí xét duyệt hồ sơ; thang bảng điểm đánh giá hồ sơ lựa chọn luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

2. Các nội dung liên quan đến việc lựa chọn luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý không được quy định tại Quy định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý; luật sư, cộng tác viên tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xét duyệt hồ sơ lựa chọn luật sư để ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

CHƯƠNG II NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT HỒ SƠ LỰA CHỌN LUẬT SƯ KÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Điều 3. Nguyên tắc xét duyệt

1. Hồ sơ lựa chọn luật sư phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Trợ giúp pháp lý và Quy định này.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và chính xác.

3. Đảm bảo tính cạnh tranh.

Điều 4. Điều kiện đối với luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý

1. Không đang trong thời gian thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư;
2. Không bị cấm hành nghề hoặc bị hạn chế hoạt động nghề nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
4. Được sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức mà luật sư ký kết hợp đồng lao động;
5. Luật sư đã thực hiện hành vi sau đây không được lựa chọn, ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý trong thời gian ít nhất là 02 năm kể từ ngày có kết luận vi phạm (tính đến ngày Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thông báo lựa chọn luật sư):

a) Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý; phân biệt đối xử người được trợ giúp pháp lý;

b) Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được trợ giúp pháp lý; sách nhiễu người được trợ giúp pháp lý;

c) Tiết lộ thông tin về vụ việc trợ giúp pháp lý, về người được trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp người được trợ giúp pháp lý đồng ý bằng văn bản hoặc luật có quy định khác;

d) Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp quy định tại Luật Trợ giúp pháp lý và quy định của pháp luật về tố tụng;

đ) Lợi dụng hoạt động trợ giúp pháp lý để trục lợi, xâm phạm quốc phòng, an ninh quốc gia, gây mất trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đạo đức xã hội;

e) Xúi giục, kích động người được trợ giúp pháp lý cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trái pháp luật.

Điều 5. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ

Tính hợp lệ của hồ sơ được đánh giá theo hình thức là "Đạt" và "Không đạt" theo các tiêu chí:

1. Hồ sơ được đánh giá là "Đạt" khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:
 - + Hồ sơ nộp đúng thời hạn.
 - + Hồ sơ có đầy đủ giấy tờ, tài liệu theo Thông báo.
 - + Đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Hồ sơ được đánh giá là "Không đạt" khi không đáp ứng 1 trong các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Tiêu chí, thang bảng điểm đánh giá hồ sơ

1. Việc đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý của luật sư sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100. Chỉ đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý của luật sư khi hồ sơ được đánh giá là "Đạt" theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Việc đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý của luật sư được thực hiện theo thang bảng điểm quy định và các tiêu chí như sau:

- a) Thời gian hành nghề luật sư;
- b) Tuân thủ pháp luật;
- c) Tham gia làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý;
- d) Số lượng vụ việc đã thực hiện trợ giúp pháp lý;
- đ) Nghĩa vụ, trách nhiệm trong thực hiện trợ giúp pháp lý;
- e) Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện trợ giúp pháp lý;
- f) Khả năng khai thác vụ việc trợ giúp pháp lý;
- g) Khả năng truyền thông về trợ giúp pháp lý.

(Có Phụ lục kèm theo)

Điều 7. Xác định luật sư được lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý

1. Luật sư được lựa chọn ký hợp đồng phải có số điểm đánh giá cuối cùng từ 50 điểm trở lên và được lựa chọn theo thứ tự từ cao xuống thấp đến đủ số lượng dự kiến lựa chọn.

2. Trong trường hợp qua đánh giá có từ 02 luật sư trở lên có số điểm bằng nhau thì ưu tiên lựa chọn luật sư có số điểm tại các tiêu chí thành phần cao hơn, theo thứ tự lần lượt như sau:

- a) Thời gian hành nghề luật sư;
- b) Tham gia làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý;
- c) Số lượng vụ việc đã thực hiện trợ giúp pháp lý.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn luật sư có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận hồ sơ tham gia lựa chọn, bảo quản hồ sơ tham gia lựa chọn theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện việc đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá trình Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh phê duyệt;

c) Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật trong quá trình đánh giá.

2. Giao Phòng Nghiệp vụ 2 chủ trì, phối hợp với các phòng, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện và báo cáo theo quy định./.

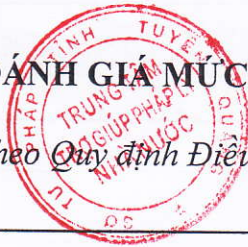
**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Thanh Thủy

PHỤ LỤC
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG NHU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
CỦA LUẬT SƯ

(Kèm theo Quy định Điều kiện, tiêu chí xét duyệt hồ sơ lựa chọn luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý)



STT	TIÊU CHÍ	ĐIỂM
1	Thời gian hành nghề luật sư	15
	Dưới 01 năm	5
	Từ 01 năm đến 03 năm	10
	Trên 03 năm	15
2	Tuân thủ pháp luật	10
	Không bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực luật sư	10
	Đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính nhưng thời gian đã quá 02 năm kể từ ngày có kết luận vi phạm.	5
3	Kinh nghiệm tham gia cộng tác viên trợ giúp pháp lý	20
	Chưa tham gia	0
	Tham gia dưới 01 năm	10
	Tham gia từ 01 năm đến 03 năm	15
	Tham gia trên 03 năm	20
4	Số lượng vụ việc đã thực hiện trợ giúp pháp lý	20
	Dưới 10 vụ việc	5
	Từ 10 vụ việc đến 20 vụ việc	10
	Trên 20 vụ việc	20
5	Nghĩa vụ, trách nhiệm trong thực hiện trợ giúp pháp lý	15
5.1	Đối với luật sư đã tham gia cộng tác viên trợ giúp pháp lý	
	Thực hiện đúng Hợp đồng cộng tác với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	5
	Trách nhiệm, nhiệt tình trong thực hiện trợ giúp pháp lý	5
	Bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý	5
5.2	Đối với luật sư chưa tham gia cộng tác viên trợ giúp pháp lý	
	Thực hiện nghĩa vụ trợ giúp pháp lý ít nhất một ngày làm việc/năm (8giờ/năm)	5
	Chấp hành nội quy, quy định của các cơ quan có liên quan khi thực hiện trợ giúp pháp lý	5
	Tận tâm thực hiện trợ giúp pháp lý như đối với vụ việc có thù lao	5
6	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện trợ giúp pháp lý	10
	Có nơi làm việc và địa chỉ cụ thể để tiếp người được trợ giúp pháp lý	5
	Có đầy đủ trang thiết bị làm việc: Bàn, ghế, máy vi tính, máy in, có kết nối mạng internet...	5

7	Khả năng khai thác vụ việc trợ giúp pháp lý	5
	Có	5
	Không	0
8	Khả năng truyền thông về trợ giúp pháp lý	5
	Có	5
	Không	0
TỔNG CỘNG:		100